

TRÍ TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

- | | |
|---|-------------------------|
| * Góp chút ý mọn vào công cuộc kiến-thiết | <i>Hoa-Bằng</i> |
| * Trời chưa tan sương | <i>Ngân-Giang</i> |
| * Những truyện về vang trong sử Đại-Việt (I) | <i>Nguyễn-văn-Tố</i> |
| * Những ông nghề triều Lê (CVI) | <i>Ung-Hòe</i> |
| * Bài diếu Dương-bá-Trạc | <i>Bát-Kỷ</i> |
| * Sự thực về việc phá thành Hà-nội
năm Nhâm-ngọ (1882) | <i>Tiên-Đàm</i> |
| * Phải chăng Trạng Trình đã tiên đoán
nền độc lập Việt-Nam ? | <i>Phạm mạnh Phan</i> |
| * Đại Nam dật sự (LIX) | <i>Nguyễn-văn-Tố</i> |
| * Ao-tư (tiểu-thuyết, XXVIII) | <i>Nguyễn-huy-Tướng</i> |

0\$70

Góp chút ý mọn vào

CÔNG CUỘC KIẾN - THIẾT

HOA-BÀNG

Sau cuộc đảo chính bữa 9-tháng 3-1945, chúng ta đã đi vào một giai đoạn lịch-sử mới, sống trong một kỷ nguyên mới.

Phẩm là dân nước ngày nay, ai cũng phải lo làm tròn nghĩa vụ một người công dân đối với tổ quốc. Những cái thành-kiến có hại, những cái quan niệm không hợp thời, từ nay nhất nhất phải gạt bỏ, rửa cho sạch lòng, bài trừ cho triệt-đẽ.

Trước hết ta hãy tẩy sạch những tư-tưởng độc thiện, luận điệu vị ngã, rất trở ngại đến cuộc tiến hóa chung.

« Thành đồ đã có vua xây,
« Việc gì gái góa lo ngày, lo đêm ! »

Câu đó bây giờ không thích hợp nữa. Vì cái « thành » vững hay đổ, có quan hệ mật thiết đến vận mệnh toàn thể nhân dân ở trong thành ấy, không chỉ riêng gái trẻ già ai cũng có trách-nhiệm phải lo lắng cả. Ở đời « hợp dân nên sức mạnh » này, hết thảy đều có nghĩa-vụ phải lo đến « thành », xây lấy « thành », rồi mới được hưởng cái quyền lợi an cư lạc nghiệp ở trong « thành ». Vậy không nên khư khư chỉ biết bảo thủ lấy phận mình, ngoài nhà cửa vợ con, không quan tâm,

không đề ý đến việc đời, việc nước được.

Xin lấy ngay việc « xây thành » làm thí dụ cho dễ hiểu :

« Thành » là một lợi-khí để ngăn ngừa quân địch, chống cự ngoại xâm. Từ tài-sản đến tinh-mệnh của dân trong thành đều gửi cả ở đó. Nếu ai đã là dân trong thành mà không đề tâm đến thành và không làm bổn phận đối với thành thì là nặng người ích kỷ, có tội, không thể tha thứ được. Ngay như công việc xây thành, một khi hiểu theo quan niệm tô-chức xã hội ngày nay, thì quyết không phải do một ông vua đứng xây dựng. Vì từ một viên gạch, một tảng đá đến một chậu vôi, một thùng cát đều có cái tương quan rất mật thiết ở trong đoàn-thể xã-hội. Mà dù xây thành có do mệnh lệnh một ông vua xuống-suất ra đi nữa, cũng phải tính đến công-khố do nhân dân đóng sưu góp thuế mà có ; đến khi thực hành cũng phải trải qua biết bao thủ-tục : nào cuộc tình-bàn của các kỹ-sư, nào sự lập-lung của các thợ thuyền lao động... Một gái góa cũng là một phần tử trong xã-hội sao lại không nên tỏ ý hợp tác, góp lo vào cuộc xây dựng công-cộng ấy ?

Nhằm ý đồ suy ra, chúng ta từ nay không thể nói theo câu « vị ngã » này :

« Tự gia chỉ lão (1) môn tiên tuyết, quân văn tha nhân ngọa thượng sương » (Ta chỉ nên quét những tuyết ở trước cửa nhà mình, chứ không cần hỏi đến sương ở mái ngói nhà người khác), nhưng ai đây đều nên bổ chung một khẩu hiệu : « Quốc gia hưng vong, sát phu hữu trách ».

Thế nhưng bây giờ muốn góp ý niệm của một sát phu để tỏ rằng mình cũng có trách-nhiệm trong cuộc hưng bay vong của quốc gia thì nên thế nào ?

Không kể công việc chính-trị do những phần tử đủ tài lực, đủ tư-cách, đủ tin nhiệm, nói tóm là đủ điều kiện, cần phải đứng lên can đảm, tổ chức ra, chúng ta giờ đây thử thảo luận về một vài phương diện như văn-hóa chẳng hạn.

Nói đến « kiến thiết », bây giờ bắt đầu làm những việc gì ? Chúng tôi xin tạm bày tỏ một vài thiện kiến :

1) *Cường bách giáo dục.* — Một nước tiến bộ hay thoái bộ

(1) Hoặc « hảo hảo »

là quan - hệ ở đại chúng. Nếu toàn - thể xã hội, còn nhiều người thất học, nhiều người dốt, thì dù có một dăm thạc sĩ, bác sĩ đi nữa, xã hội ấy cũng chưa thể gọi là tiến-hóa được.

Trước đây, trong thời kỳ P. n. nước, họ cho việc giáo dục là cái riêng, chứ không phải là bổn phận của Chính phủ đối với dân chúng, nên số người được may mắn đi học, hãy còn ít ỏi lắm. Bây giờ khác. Việc giáo dục là bổn phận của Chính phủ phải làm cho dân chúng. Vì dân đã làm trọn cái nghĩa vụ là đóng thuế rồi, tất phải được hưởng quyền lợi như được giáo dục, được v.v.

Một khi toàn thể dân chúng, đều biết đọc biết viết, ai cũng biết qua những yếu tố làm một người công dân. Thì bấy giờ công việc huấn luyện chắc sẽ dễ dàng, trình độ đại chúng chắc sẽ tấn-tới trông thấy.

2) Mở mang dân trí.
— Người Pháp bấy lâu vẫn quyết dùng cái chính sách ngu dân, mục đích cốt để dân ta cứ luân-quần trong vòng ngu muội, không sao tiến

TRỜI CHỮA TAN SƯƠNG...

Sớm nay trời chữa tan sương,
Tôi nghe thoảng thấy bên đường
tiếng rên
Trần lòng mở cửa ra xem,
Năm trời dưới đất một em trần
trường.

Đưa tay ra đỡ với vàng;
— « Mẹ đâu mà phải nhờ chàng thế
con ? »

Àm-u như xác không hồn,
Nói qua miệng lẽ giọng buồn mòng-
mênh;

— « Đem qua mẹ lời bên mành,
Chợt kai linh day, nhìn quanh,
không người !

« Bây giờ mẹ tôi đâu rồi ?
« Bà ơi ! chỉ lối cho tôi theo tìm ? »

— « Hiền rồi, đánh nín đi em !
« Em là một cảnh trong nghìn cảnh
thương.

« Đây chiếc áo, đây bát cơm,
« Tạm dùng giữa lúc nhờ chàng khó
khăn.

« Mai ngày nhân-nại xin ăn,
« Giờ xa mẹ, có lúc gần, không sao ! »
Nhận rồi, trẻ bước lao-đao,
Nhìn theo, tôi thấy nghẹn-ngào báng-
khương...

Trời xuân tuy đã sáng dần,
Phượng Nam và đám mây vẫn chưa
tan.

(Mùa xuân năm Ất dậu)

NGÂN-GIANG

kip thời gian, để họ dễ bề thống trị. Ở các trường, họ dạy cho lối học nhồi sọ ở dân quê, họ lết sức bưng-bì rào chắn, nên trình-độ dân chúng ta nay, trừ một số ít đã giác ngộ, phần đông hãy còn như say, như mộng cả.

Sự cần kíp bây giờ là phải lo ngay đến việc mở dân trí.

Nên có những tổ-chức hợp pháp dân nhân lấy công việc đi mở trí dân hàng đầu, chia đi các nơi thôn quê, để giảng cho dân chúng những môn thường thức về công dân, giáo dục, về vệ sinh, về y-học, về luật pháp, về nông phu, v.v. Để giúp vào việc này, nên có những thư viện lưu loan, cuộc chớp bóng lộ thiên và máy truyền thanh để làm cho được việc.

3) Nâng cao dân đức. — Người mình vốn có tiếng là một nước văn hiến, rất trọng cán, kiem, trung, tín, lễ, nghĩa, lễ, sĩ; chỉ vì từ khi Pháp thuộc đến giờ, trong vòng ngốt mọi mœurs, phần vì bị kinh tế áp-bách, nên đôi phải ăn vụng, tung phét, ăn cắp, phần vì chịu ảnh hưởng những thói kiêu xa đấm dấm
(Xem tiếp trang 20)

NHỮNG TRUYỆN VÊ-VANG TRONG SỬ ĐẠI-VIỆT

SỐ 1

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nay nước ta lấy lại được quyền tự-chủ, thì càng nên nhớ đến những bậc đã đắp nền xây móng cho ta, như Trưng-Vương, Lý Bí, Ngô-Quyền, Lê-Lợi,... đều là những bậc đã làm hiến-hách cho nước ta. Truyện các bậc ấy chép bằng chữ nôm, đã có người dịch quốc-ngữ, nhưng chưa ai gộp tất cả làm một.

Ông Nguyễn-Lân có ra một bộ sách đề là *Những trang sử vẻ vang*: quyển thứ nhất đã in ở Tri-Tân số 169, ngày 7-12-1944.

Nay ông Lan ra quyển thứ hai, được 165 trang, khổ giấy 12x18. Có ba mươi một truyện ngắn, từ bài *Kỷ-Tân nước Đại-Việt* đến bài *Nam Bắc một nhà*.

Ván nghe dễ dãi, chuyện chép gọn gàng, có thể gọi là một quyển sử phổ-thông cho tất cả các hạng người trong nước. Hiếm có vài chỗ sai, như trang 10, ông Lan chép Lê-Lai « người làng Dục-Tú » và chưa rằng « thuộc Lam-son Thanh-hóa ». Xem *Đại-Việt thông-sử* (bản sao trường Bắc-cổ, số A 1389, q. 31, tờ 29 a) của Lê-quý-Đôn, thì chép « thôn Dục-Tú » chứ không phải làng, thuộc « xã B Đức-giang, huyện Lương-giang nay là huyện Thụy-nguyên » chứ không phải thuộc Lam-son; duy *Việt-sử tổng-vịnh* (q. 5, tờ 13 b) chép « Lam-son Dục-tú » nghĩa là « Người thôn

Dục-tú làng Lam-son » : thế thì Dục-tú cũng là tên thôn, chứ không phải tên làng. Tuy là nhầm nhỏ, nhưng đối với việc chép sử, cần phải làm kỹ, đáng nên đề cho người sau theo cái nhăm của mình.

Trang 11, ông Lan viết « cung điện hóa thành núi rừng, bảo-ấn hóa thành đồng sắt, gương thần hóa ra giặc giã đao binh ». *Đại-Việt thông-sử* q. 31, tờ 29 b) chép thảo điện thành sơn lâm, bảo-ấn thành đồng, thần kiếm thành đao binh » nghĩa là « điện cỏ thành núi rừng (điện cỏ là điện lợp bằng cỏ tranh hay lá-gồi, chứ không phải lợp ngói ; *Khâm-định Việt-sử* q. 15, tờ 26 a chép là hành điện) bảo-ấn (tức ấn bằng vàng hay ngọc) hóa thành đồng (chứ không phải đồng sắt), gương thần hóa làm đao binh (thừa chữ giặc giã) ».

Cả mấy câu chữ nôm ở trang 12, cũng viết sai và dịch hụt nghĩa. Ông Lan chép : « Nhất môn trung-hiếu, liên nãi tồ nãi phụ chi tử-tuy » ; dịch thế huân danh, nghị nghị, công nhĩ hầu chi tể-mỹ ». *Đại-Việt thông-sử* (q. 31, tờ 29 b) viết chữ điệp « điệp trên đại dưới » ; chữ không phải « mệnh, hèn nữa chữ đặc », và chữ thứ năm ở và dưới là chữ « tất » chứ không phải chữ « nghi ». Còn đến nghĩa thì chữ « tử tuy » ông Lan dịch là « chết vì vìác nước »,

thế thì thiếu nghĩa chữ tuy, vì *Từ-Nguyên* (q. thìn, tr. 206) gọi « lui quân là tuy » (thoái quân vì tuy). Nguyên có chữ « Tướng-quân tử tuy » nghĩa là « quân thua mà lui, thì tướng-quân nên chết ». Chữ « tể mỹ » ông Lan dịch là « dễ được vẻ vang » cũng không đúng : *Từ nguyên* (q. ty, tr. 163) cắt nghĩa tể mỹ là « con cháu có thể nối được nghiệp của ông cha » (từ tôn khắc thừa tể phụ chi nghiệp).

Giá ông Lan lấy sách chữ nho ra mà lược-dịch, đáng thêm thất điều gì, thì quyển sử của ông sẽ hoàn toàn là quyển giáo-khoa, không những đem dạy học-trò mà thôi, lại còn dạy cả cho các hạng người nữa.

Tôi lấy sách chữ nho, dịch truyện Lê-Lai như sau này, có đoạn hơi rườm-rà, nhưng đã là nhà chép sử, mà lại chép một chuyện anh-hùng b ối hy sinh cho nước đề cử lấy giống-nòi, thì không nên lược bớt, vì đã là người anh-hùng thì một câu nói, một việc làm đều đáng làm gương cho đời sau.

Trọng khi dịch, có đoạn nào khác với ông Lan, tôi sẽ đánh dấu và còn thêm vài lời bàn.

« Lê-Lai người thôn Dục-tú, sách Đức-giang, huyện Lương-giang (nay huyện Thụy-nguyên, tỉnh Thanh-hóa). Cha là Kiều, đời Lê-Lai chưa phụ-đạo, sách *hào*

cơ giới : con lớn là Lan, con thứ là Lai (không thấy sử chép Lê-Lai chính tên Nguyễn-Trận, và câu « cái ra họ Lê và đổi tên để cho mất người mình » (trang 10) : Nếu thật Lê-Lai họ Nguyễn, thì năm thứ năm hiệu Quang-thuận (1464) Lê-Thánh-tổng có xuống chiếu rằng « Ntưng công-thần được ban quốc-tính, cho con cháu lại theo họ cũ, để giữ hiệu đạo ». Mà đến năm thứ mười sáu hiệu Hồng-dức (1485) vẫn thấy sử chép « Tinh-quốc-công Lê-Niệm là con Lê-Lâm, cháu Lê-Lai » *Khâm-định việt-sử*, q. 24, tờ 1 a); Xem thế, đủ rõ Lai không phải họ Nguyễn). Lê-Lan theo vua Lê Thái-tổ (Lê-Lợi) khởi nghĩa-bình, có nhiều công-lao. Năm Ất-ty (1425) trận đánh ở cửa ải Khả-lưu (phía bắc sông Lam-giang, huyện Lương-sơn, tỉnh Nghệ-an) bị chết về việc nước, sau được tặng làm thái-phó Hiệp-trang-hầu, gia tặng Hiệp-quận-công. Lê-Lai là người có thanh cương-trực, dung-mạo khác thường, chí-khí trác-liệt (trác là cao, liệt là ngay thẳng) theo hầu vua Lê-Lợi thường ở bên cạnh, rất nhiều công-lao. Năm bình thân (1416) vua Lê-Lợi cũng mười tám người thân-tướng, liên danh ký-kết ăn thề, lúc sướng lúc khổ cùng nhau. Lê-Lai có dự trong số ấy, được làm chức tổng-quản-phủ đồ-tống-quân quan-nội hầu. Năm Mậu-tuất (1418) Vua Lê-Lợi bắt đầu khởi cờ nghĩa, tướng cốt yếu, quân còn ít, bị tướng Minh đánh ở Mang-một, vua Lê-Lợi đã bị nguy mà được thoát, đồng quân ở trên cõi Trại-cao (xưa là tên

châu, nay thuộc phủ Trấn-Định, tỉnh Nghệ-an), ngoài đường cấm người đi, trong nhà cấm khói lửa. Tướng Minh chia quân, đón giữ các chỗ hiểm yếu, thế rất nguy bách. Vua Lê-Lợi hỏi các tướng rằng : « Ai chịu đòi áo bào, cầm quân ra đánh nhau với giặc thay ta, xưng danh hiệu của ta, như việc Lý-Tồn chết thay Hán Cao-tổ ngày xưa, để cho ta được ăn dẫu ở chỗ núi rừng, chiêu tập lương sĩ, khôi phục về sau ». Các tướng không ai dám thừa. Một mình Lê-Lai khẳng-khải thưa rằng : « Xin ngày sau có thiên hạ, thương đến công tôi, con cháu muốn đòi được đội ơn nước, ấy là sở nguyện của tôi ». Vua Lê-Lợi thương xót không nỡ. Lê-Lai lại nói rằng : « Nay khốn bách như thế, nếu ngồi giữ một chỗ nguy, thì vua tôi cùng chết, sợ cũng vô ích. Bằng làm kể này, có lẽ thư được chút ít. Kể trung-thần đã vì nước, thì còn tiếc gì ! », vua Lê-Lợi lấy trời khấn rằng : « Lê-Lai có công đòi áo bào, ngày sau trăm cùng con cháu, và con cháu các tướng-tá công-thần, nếu không nhờ đến công ấy, thì xin điện cỏ hoá thành núi rừng, ấn báu thành đồng, gương thần hoá đao binh » (trang 9-10 ông Lân chép mấy câu : « Bình-dinh-vương bera hội các tướng-sĩ, bàn nên đánh một trận tử-chiến, thoát được thì càng hay, bằng không, chịu chết cũng cam. Trong bọn tướng-tá, có một người đứng lên thưa rằng : Thân Vương là trọng cả nước trông

vào có một người, vì bằng mệnh-hệ nào, thì sao đuổi được giặc Minh ra ngoài bờ cõi?... » đều khác cả trong sử ». Lê-Lai bèn đem năm trăm quân, hai con voi, thẳng đến lũy giặc, khiêu chiến : người Tàu đem hết quân ra đánh. Lê-Lai phi ngựa xông vào trận, hô rằng : « Ta là chúa Lâm-Sơn đây », đánh giết quân giặc không biết bao nhiêu mà kể. Khi sức đã kiệt, thì bị người Tàu bắt, đem làm cực hình. Giặc bèn lui quân về thành Tây-Đô, nhưng phòng bị hơi trễ. Vì thế vua Lê-Lợi được từ-dờ nghĩ ngơi, nuôi khí hăng hái, đánh đâu được đấy, rồi lấy lại thiệp hạ. Truy cảm lòng trung-nghĩa của Lê-Lai, vua Lê-Lợi sai người ngầm tìm hài-cốt đem về táng ở Lam-Sơn (trang 11 ông Lân chép rằng : « Trong khi ấy Bình-dinh-Vương đã cùng mấy người tùy-tòng cải dạng làm tiều-phu, men sườn núi mà trèo xuống... » hình như lời văn tẻu thuýết). Năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1428) phong làm nhất-dãng công-thần, tặng Suy-trung đồng-đức hiệp mưu bảo-chính : Lũng-phai công-thần (Lũng-nhai sau đổi là thôn Lũng-Mỹ thuộc xã Lam-Sơn, vua Lê-Lợi khởi binh ở đấy); chức thiếu-vý, thụ là Toàn Nghĩa. Đến tháng mười hai năm thứ hai hiệu Thuận-thiên (1429) vua Lê-Lợi sai Nguyễn-Trãi chép lời ước-thệ trước của vua và hai câu của Lê-Lai, cất ở kim-quỹ, gia phong chức thái-úy. Năm thứ nhất hiệu Thái-bôn

(Xem tiếp trang 13)

BIỆT VẤN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHE TRIỀU LÊ

96 410

Khóa quý mải (1523) thi vào
năm thứ hai hiệu Tông - nguyên
đôi Lê Cung - đề, từa Hoàng - đề
Xuân (1522-1527), được ba mươi
sáu ông đỗ tiến sĩ.

Năm ấy là tam thu tam đời Lê
Chiên-tông (1516-1986), nhưng
Chiên-tông lúc ấy ở Thanh-hoa,
ngồi Bắc bị Mạc-dăng-Dung đã
hợp mưu lập Hoàng-dệ Xuân làm
vua từ năm trước là năm 1522,
đặt niên hiệu Thống-nguyên, vì
thế khoa này theo niên-hiệu
Thống-nguyên.

Đặng-khoa-lục (t. 2 tờ 17 b)
 chép « năm trước là khoa năm
ngọ 1522, chưa kịp thi hương,
đến tháng hai năm quý-mùi (1523)
bên trên họp thi một kỳ ở bãi
giữa sông Nhị-hà lấy Vương-Mậu-
Uyên đỗ đầu, tức giải nguyên ».

Bà ông đồ đệ nhất gặp tiên-sĩ
cặp đệ là:

1. — Hoàng-văn-Tân, người
xã Xuân-lôi, huyện Vũ-giang, phủ
Tứ-sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-
ninh). Đỗ trạng-nguyên khoa quí-
mùi (1523). Làm quan với Mạc:
đến chức Lễ-bộ-tả-thư-lang. Đăng-
khóa-lục (q. 2, tờ 17 b) và Định-
nguyên Phạt-lục (sách Bắc-cử,
số A 1205, tờ 23 b) đều chép như
thế. Dạy Đăng-khoa bị-khảo (q. 1
Kinh-bắc, tờ 8a) thì chép là Hoàng-
văn-Tân làm quan đến lễ bộ (tả-thư-
lang) rồi tấp giời Mạc Đăng-Dang

tiếm loạn, cũng như Vương-Mãng
Đổng-Trác, bên Tàu, mà Tân và
Nguyễn vấp) - Thái (đỗ thám, hoa
khoa 1502) thảo tở chiến truyền-
ngôi ». Nếu thế thì Hoàng-vân-Tân
lâm-thị-lang trước khi tuế Mạc.

2. — Nguyễn-Truyền, người
xã Đào tại, huyện Quỳnh, phủ
Tứ sơn, trấn Kinh Bắc. Đỗ bằng
nội môn khoa 1523. Làm quan đến
hàng-lâm (bị-tử). Thấy Mạc-dàng
Dung thi nghênh, bèn cải tiết thờ
Mạc sang sử Tả-cần-phong, làm
quan đến thừa-hình-sử, tước bá,
lúc mất truy tặng thượng-thư
(Đặng khoa bị khảo, q. Kinh Bắc,
tờ 13 a).

3. — Nguyễn - quán - Đạo, người xã Bình Dân, huyện Đông-jên phủ Khoái-châu, trấn Sơn-ham. Năm hai mươi tuổi, đỗ đệ-huý khoa 1523, dinh-thi đỗ tam-hoa. Trước tên là Quán-chi, ngụ-bút đổi là Quán-Đạo, làm quan đến đồng-tả (Đặng-khoát-lục, q. 12 tr. 17 b). Đặng-khoát-bị-khảo (q. Sơn-ham, tr. 62 a) chép: « Lúc bé có tiếng thần-đồng, anh-hương đỗ giải-huýen. Năm hai mươi bảy tuổi đỗ tam-hoa-khoa 1523. Lại thi khoa-đồng-các đỗ thứ nhất. Làm quan đến tham-chính a.b) »

Tâm ông đồ đệ thì giúp tiên-sĩ
xuất thân, nên sau này trở nên

4. - Nguyễn đình Chương,
người là Trung tá, huyện Lạng

tải, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc
Đỗ nhĩ gặp tiến-sĩ khoa 1523. Làm
quan đến thị-lang. Không chịu theo
Mạc, lúc mất truy tặng thượng-
thư. Nay làm phúc-thần lang ấy
(Đặng-khoa-bị-khảo, q. Kinh-
bắc, tờ 125 a) Đặng-khoa-lục (q.
2, tờ 18 a) chép: «Được vua Lê
phong làm phúc thần».

2. — Nguyễn - trọng - Tồn
người xã Trường-lân, huyện Gia-
lô (Gia-phước), phủ Hà-lông, trấn
Hải-dương. Đỗ thi - giáp tiến-sĩ
khoa 1523, làm quan đến Hộ-khoa
đô-cấp sự-trung (Đăng-khoa-lục
q. 2 tờ 18 a²). Đăng-khoa-bị-khắc
(q. Hải-dương, tờ 48 b) chép là
Phạm-trọng-Tồn.

S. Nguyễn Sở - Châu người
xã Quỳnh-côi, huyện Gia-lô, trấn
Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa 1523.
Làm quan đến định-hải-quang. Đặng
khoa lục, q. 2, tờ 18 a) b) 15.

4. — Nguyễn Khắc Trung, người xã Nhuận Ninh, huyện Đông Ngạc, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Đỗ cử bị giáp, khoa 1523. Làm quan đến biên-sá-sứ, không có gì theo Mạc (Đặng Khoa bị khảo, ở Kinh Bắc, tờ 36 b).

5. — Trần-khả-Tượng, người xã Thượng-xã, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ nhị-giáp khoa 1523 làm quan đến Binh-khoa độ cấp sự-tung (Đặng-khoa-lặc, q. 12, tờ 18 a). Đặng-khoa-bị-khảo (q. Sơn-tây, tờ 31 b) chép là người xã thượng-nhiêu.

6. — Nguyễn - Khắc - Cần,
người xã Đông-xá, huyện Lang-tài,
tỉnh Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp khoa
1523. Làm quan đến Thái-chính

không chịu theo Mạc (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 a).

7. — Nguyễn-trong-Oánh người xã Vĩnh-kỳ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Nhà ở xã Hương-canh. Đỗ nhị giáp khoa 1523. Làm quan đến Phụng-chiến phủ-đoán. Sinh ra Nguyễn nhân-An, đỗ tam-giáp khoa 1556: cha con cùng đỗ ở khoa (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 b).

8. — Lê-tử-Khanh, người xã Xuân-tri, huyện Vĩnh-lai, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa 1523. Làm quan đến đoan-sự (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 b).

Hai người nhậm ông đồ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân là những ông sau này:

1. — Nguyễn-Súc, người ở phường Báo-hiền, huyện Vĩnh-xương, (sau đổi Thọ-xương, bây giờ thuộc đại-lý Hà-nội), nhà ở xã Liêu-xá, huyện Đường-hào, trấn Hải-dương, đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1523 — làm quan đến tham-chính (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 b).

2. — Nguyễn-sư-Hữu, người xã Lạc-nam, huyện Thanh-liêm, phủ Lý-nam, trấn Sơn-nam. Nguyễn-quân ở xã Thạch-lại, huyện Thanh-lâm, đỗ tam-giáp

tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến Lễ-bộ-thượng-thư (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 b).

3. — Ngô-mậu-Thuần, người xã Pồ-vệ, huyện Đường-nào, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Năm 23 tuổi đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1523. Làm quan với nhà Mạc, đến chức công-bộ-thượng-thư, tước hầu, được trí sĩ. Là con Ngô-vân-Rhône đỗ nhị-giáp khoa 1484, sinh ra Ngô-mậu-Du đỗ tam-giáp khoa 1562 (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 a).

4. — Vũ-Đoan, người xã Đồng-lai, huyện Giao-thủy, phủ Tiên-trưởng, trấn Sơn-nam. Đỗ tam-giáp khoa 1523. Theo Mạc, làm quan đến thượng-thư, được phong công-nhân (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 b).

5. — Lê-Phu, người xã Lạc-xuyên, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp khoa 1523. Theo Mạc, làm quan đến Hình-bộ-tả-thi-lang, trí sĩ (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 b).

6. — Nguyễn-hang-Ngạn, người xã Bắc-liễn (sau đổi làm thực-tượng), huyện Cẩm-giang, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến hiến-sát-sứ (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 b).

7. — Hoàng-Tảo, người xã Cao-la, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến hữu-thi-lang, trí sĩ (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 a).

8. — Phạm-sở-Ngọc, người xã Đông-khe, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương.

Năm 45 tuổi đỗ tam-giáp đồng tiến sĩ khoa 1523. Làm quan với Mạc đến chức thừa-chính-sứ, trí sĩ. Lúc mất, truy tặng công-bộ-tả-thi-lang. Là con họ Phạm Lộc-Nhân đỗ nhị-giáp khoa 1553 (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 a).

9. — Phạm-hưng-Nhân, người xã Nhân-lý, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp khoa 1523. Làm quan với Mạc đến chức tham-chính. Sau Mạc đổi là Heang-trung, truất làm phủ-sinh. Là con họ Phạm-bộ-Khuê đỗ nhị-giáp khoa 1453. Là cha họ Phạm-Dương-là-bá. Dương đỗ tam-giáp khoa 1493 (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 a).

10. — Nguyễn-thị-Hạnh, người xã Hoa-thị, huyện Đông-ngân, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc, năm 29 tuổi đỗ tam-giáp khoa 1523. Làm quan đến chức tả-hình-giám-sát-nạp-sứ (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 18 a).

Còn nữa
Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TO

Giới thiệu

Đức Trai thi văn (19) và Trú Khê — Lê-Giờng, xuất bản giá 5\$00.

Bạn Trú Khê đã dịch nhiều bài văn chữ Hán ra quốc văn và đã được các bậc thẩm nhào hoan nghênh cái học thâm thúy của bạn.

Chúng tôi không cần giải lời và tin rằng, sách này của bạn sẽ góp một phần vào việc nghiên cứu văn học và lịch sử của nước ta.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Dương

2\$00 một vé

LỄ TRUY DIỆU DƯƠNG BÁ TRẠC

Trong số trước, Trí-Tâm đã có bài của bạn Thất Lang gởi về thân thế của nhà
át quốc Dương bá Trạc.

Nay xin lục đăng bài diếu văn do cụ Bùi-Kỷ đọc hôm làm lễ truy diếu cụ ở
Dương tại chùa Quán Sứ Hà-nội ngày mùng 5 tháng 2 ta năm Ất-dậu (18-3-1945).

Toà soạn

Bài diếu văn về lễ truy-diếu cụ Cử Dương - Bá - Trạc

Trần rằng :

Thay đời theo về lịch-thế, người thạc đánh
nhưng người sống chưa đánh ;

Thủy chung thề với giang sơn, hẹn đi có,
sao hẹn về chẳng có,

Một hình hài đầu một giấc thoáng qua,

Gucig lăm sự vốn ngàn thu soi tỏ,

Ông Cử Dương !

Trời phú thông minh,

Đất chung linh tú,

Cơ cừu nguyện gìn giữ nếp nhà,

Lưu chiêu vẫn theo đời nghiệp cũ.

Song đề sách là nơi rèn luyện, ông đã rõ
cương-thường luận-lý, há theo đời quý gối
khom lưng ;

Vả non sông là gốc sống còn, ông đã mang
khí-phách can trảng, sao chịu nhạc đề đầu
ruồi cồ

Bởi thế :

Hội duy-tâm dẫn bước với trào lưu,

Nhóm cách mệnh đau lòng về linh-thở.

Ra công huân - luyện nào Nghĩa - Thực
Đóng-Kinh ;

Hết sức hờ hạo nào Tụng-báo Đấng-cồ.

Tuy tay không khôn chống chọi với cường
quyền.

Nhưng khi chính cũng ghé trùng cho
nghịch lỗ.

Khi Cờu đảo màn trời chiếu đất, chôn lao-
lạng mà cồ vẫn quật cường

Khi Long-Xuyên cõm gỏi nước bầu thân

địch mà đầu hàng tự chủ

Kể từ lúc 22 tuổi hiến thân cho nước, chỉ
những lo âu rửa sạch không hề nước hờn
dân.

Đến về sau hơn mười năm đời sĩ làm lễ,
may còn sống để trở lại quê cha đất tổ

Thiết tưởng lòng ma-chiết nhiều phen,
Tuế-nguyệt luống sa-đá lăm độ.

Đời vẫn làm-tham man mác, những là
dong mắt suốt năm canh ;

Người đầu gối đá lơ trơ, sao chịu bó tay
ngồi một chỗ.

Việc của đời chan chứa còn nhiều sức đang
nổi bao giờ cũng có.

Quay sang Phật, hồi chuông cảnh tỉnh-đạo
từ bi mong giảng beho tình ;

Trở về Nho, ngọn bút hùng hồn, nền luận lý
muốn bàn thật rõ.

Tính việc công, già cũng quên già,

Theo Khe-là lớn, khó không ngại khó.

Đang lĩnh phương ngoài vũng vầy, rữ
nhau đồng-chí đội, thời-cơ ;

Ngờ đâu côi hóa xa xăm, rủi cộ - Am mưa
thua định số.

Sáu mươi tuổi lòng son tóc bạc, người v-
quốc vốn là người bất-tử, cốt làm sao trả nợ
giang sơn. Hơn năm đây tay bắt mặt mừng,
lúc phân kỳ còn hẹn lúc trùng-phùng mà
nay đã chia đường kim-cồ.

Ôi ! ngày tháng không ngừng.

Công trình chưa bỏ.

Độc bài chính kiến, đường nghe sang lắng
lời vàng ;

Xem tấp nét tình, ngộ thắm đậm đậm máu
đỏ

(Xem tiếp trang 12)

SỰ - THỰC VỀ VIỆC PHÁ THÀNH HÀ - NỘI

năm Nhâm - ngọ (1882)

Đến đây các nhà chép sách đều thuật theo truyền thuyết, nên việc hạ thành Hà-nội năm Nhâm-ngọ (1882) gần như sai sự thực.

Chàng tôi có dịp được hỏi chuyện cụ cử Nguyễn Đình Trọng, tức cử Tôn năm nay 93 tuổi, làm xuất đội hộ vệ quan, đồng đốc Hoàng Diệu, nay cứ theo như nhời cụ, ghi lại sau đây để góp chút sử liệu.

T. Đ.

Trước đó một tháng, quan tổng đốc Hà ninh là Hoàng Diệu thám biết sự dòm giở xứ Bắc kỳ của quân Pháp, đã bắt đắp thành đất chầu ngang từ cửa Đông sang cửa Tây, các cửa thành đều lấp hết, sự đi lại phải dùng thuyền.

Ngày mồng tám, tháng ba, năm Nhâm ngọ, vào khoảng giờ Thìn, một người thông ngôn người Nam kỳ tên là Thông Phong (1) mang chiến thư vào thành. An sứ Tôn-thất-Bá xin với quan tổng đốc ra thương lượng với ông năm Henri Rivière đề đình chiến.

Quan tổng đốc sai giớng giấy cho Tôn thất Bá xuống góc thành cửa Bắc (phía bóp làng Đậu) nhưng sự thực thì Tôn-thất-Bá lập tâm trốn ra gần ở đền Ngọc Sơn giữa hồ Hoàn kiếm, khi thành đã vỡ thì theo binh Pháp mà nhận lấy thành.

Cách đó một giờ sau, quân Pháp bắt đầu bắn vào góc thành cửa Bắc, chết một liên quân đội Hùng-nhuê; bố binh Tuyên bố chạy, quân Pháp bắc thang vào Tuyên chạy thẳng vào kho, kho bốc hoả (2) rồi

súng bắn sốc vào chỗ quan tổng đốc đóng ở cửa chính Bắc.

Đồ đốc Lê Trình giữ cửa động cũng bỏ chạy, chỉ còn có phó lãnh binh là Hồ-văn-Phong đứng kèm với quan tổng đốc, cửa Tây, lãnh binh Lê Trực ở đây nung, cũng tháo lui, cửa Nam thì thiếu sự lãnh binh, Nguyễn-dinh-Khang cố thủ.

Pháp quân bắn vào cửa Bắc dữ quá, quan thượng mới lên voi, chạy vào hành cung, vào sân rồng lay năm lay, vừa lay vừa khóc rồi quay ra.

Lúc ấy quan tổng đốc chỉ kị mã xanh mặc áo the thắm, thất lạng nhieu điều, tay cầm kiếm, ngài đến cửa Võ miếu, xuống voi, đi vào, có 10 võ củ súng xuất đội đi theo.

Đến đây, ngài đuổi cả ra và bảo rằng: « Ai muốn về Huế thì về, còn ai muốn đánh thì theo lên quân thủ Sơn tây ». Nói xong, ngài vào Võ miếu, đóng sập cửa lại, cỡi kị mã chít buộc lên cây táo mà tự vẫn.

Khi thành đã phá xong, trong hàng phố được tin quan tổng đốc tuấn tiết, rất lấy làm thương xót, ông Thượng Kim, một thân hào, cùng dân phố, hàng bang,

góp tiền mua áo quan đem chôn ở gần miếu Trùng liệt, cạnh mộ quạ cổ khảm sai Nguyễn-tri-Phương, rồi sau lại đi ra dinh quan Đốc học (gần phố Suối Tư).

Quan trấn phủ Hoàng-bưu-Xung ra hàng được ở lại, còn đề-đốc, chánh phó lãnh binh đều trốn thành trốn lên phủ Hoài.

Cách ba ngày sau, Triều đình sai hai quan Kiểm sai là Nguyễn Trọng Hợp và Tiền đình Túc ra nghị hòa. Lại có chỉ ra đòi các quan chức Hà-nội như: Bố chánh Tuyên, An-sĩ Tôn-thất-Bá, đồ đốc Lê Trình, chánh lãnh binh Lê Trực, phó lãnh binh Hồ-văn-Phong, các vị lãnh binh Nguyễn Long và tía (xích tay) Lai Kinh, nhưng sự thực thì các ông này mỗi người có một cái xống hồ trong cháp mà nấp đi chơi ngoài phố Võ sau, cả bọn đều được miễn nghị.

(Xem tiếp trang 20)

(1) Tức là đồ phó Phong

(2) Cụ Nguyễn-dinh-Trọng tức cử Tôn cho chúng tôi biết rằng quan tổng đốc đã cho tất cả thuốc súng vào kho hết lâu, chỗ kho bốc lửa đây là do mấy tên nội phản đốt hoả hồ làm hiệu cho quân Pháp và để loạn lòng quân ta. Sự thực thì kho thuốc súng vẫn nguyên

PHẢI CHĂNG TRẠNG TRÌNH ĐÃ TIỀN ĐOÁN NÊN ĐỘC LẬP VIỆT-NAM ?

PHẠM MẠNH PHAN

viện Việt-Nam quốc dân đảng khởi quá mười năm về trước mà nhà phóng sự pháp Louis Roudaud đã viết nên cuốn « Việt-nam, la tragédie indo-chinoise ».

Trong dân gian, chúng ta vẫn được các bậc lão thành đọc lại chớ nghe những câu sau này phác họa cái cảnh chiến tranh thảm khốc của những năm gần đây. Những câu ấy tưởng chừng của cụ Trương Trình. Tuy thế nào, chúng tôi cũng xin thuật lại để mua vui cùng các bạn :

Rồng nằm bề can dễ ai hay
(năm đầu 1940)

Rắn mới hai đầu khó chịu thay
(năm ty 1941)

Nghựa đề gác yển không ai cưỡi
(năm 1942)

Đê khan ăn, lộc ngoạn về tấy
(năm mừ 1943)

Khỉ ngỗng còn n, đi kẻo mếu
(năm thâu 1944)

Đã kia xáo xạc cất cánh bay
(năm dậu 1945)

Chó ve vầy dưới đường thánh
(năm trất 1946)

Lợn ăn ăn no ngủ ngáy
(năm tỵ 1947)

Nếu la đề ý tới câu thứ 6 thì « gà kia xáo xạc cất cánh bay » phải chăng là ám chỉ việc quân Pháp bị trục kị giới vừa rồi và xáo xạc bay về... Pháp quốc mà trả lại nền độc lập cho chúng ta, vì chữ *gaulois* (người Pháp) do chữ latin *gallus* là c n gà.

Một câu về nữa vẫn thường được mọi người bảo là của Trương Trình cũng có liên can tới cuộc đảo chính vừa rồi ;

« Bao giờ lửa mọc trên chi,
« Voi đi trên giấy, Tày thì về Tày ».

Nếu ta lấy đồng hào chi mà ta thường gọi là hào gỗ là sẽ thấy một mặt có vẽ cây lửa, rõ ràng : lửa mọc trên chi.

Và nếu ta lật đồng hào giấy ta vẫn có ta sẽ thấy có vẽ một đàn voi thật đúng voi đi trên giấy. Thế thì sau đêm mùng 9 tháng 3 dương lịch vừa rồi quá thật : Tày thì về Tày, và mặt kếp lọ cũng không bao giờ trở lại đất nước này mà thẳng tay đàn áp những người vì xuất từ phản kháng họ.

Những câu sấm trên thực hư thế nào, chúng tôi không dám quả quyết, nhưng dầu sao những câu ấy, tuyên tụng trong dân chúng cũng đủ làm cho cái sự phản động ngấm ngấm của người Việt-Nam ta đối với cái chính sách bóc lột và tàn bạo của người Pháp trong hơn 80 năm đi cướp nước người mà còn thấy tay chân giết một cách dã man và, xé, nhai đạo

PHẠM-MẠNH-PHAN

Từ khi người Pháp có dã tâm sang xâm chiếm và cướp phá đất nước này, bất bao người đã từng bị sinh thân thế đổ chổng lại quân cường bạo.

Những bậc đế vương như vua Hàm Nghi (1884 - 1885) vì chống lại kẻ thù mà biến bị an cư, tại Alger ; những bậc siêu quần bạt chổng như Phan chu Trinh Phan bội Châu, nhia rõ cái họa khổ thù côi mạng bốc lột đồng bào Nam Việt, đã từng nếm đủ mùi tân khổ vì xuất đời tận tụy cho nước cho nhà.

Đọc hai câu sấm :

« Bao giờ sen mọc biên đông
« Cha con nhà Nguyễn bế bằng nhau đi.

Chúng ta liền nhớ tới việc hai cha con Thành, Thái (1889-1907) và Duy Tân (1907-1916). Vua cha vì có chí ngấm mưu phục quốc, nên bị truất hồi năm 1909. Và đêm mùng 3 tháng 5 năm 1916 vua con mưu chống lại giặc Pháp, nên phải phũ ; thế là cha con « bế bằng nhau » nằm đảo Réunion làm đĩnh, như lời tiên đoán của Trương Trình.

Cuộc xáo xạc đâm dăm ấy vừa xong, dân tộc kỷ hai mươi, vừa lửa « sen » Nhật bản mọc đầy đầy biên Đông nơi mà xưa kia không bao giờ có thứ sen lạ lùng ấy

Cũng ta không ai quên việc Yên Bái và các nơi đã xảy ra vụ đả sát gổ đôn hồi 1930 Bao đảng viên của Việt nam quốc dân đảng đã bị tập bao đem lên máy chém ! Vụ tàn sát cực kỳ vô nhân đạo ấy cũng có một thấy trong các lời sấm của Trương Trình :

Ta hãy đọc 8 câu sau đây :

« Kla cơn gió thổi lá rung cây
« Rung bắc sang nam, đông tới tây :

« Tan tác Kiền kiền An đất nước.

« Sác sơ Cồ thụ sạch Am mây :

« Sơn Lâm nổi sóng mù Thao cát

« Hưng địa tràn dâng Họa nước dâng.

« Một gió một Yên, ai sùng Bất ?

« Cha con người Vinh, Bao cho hay.

(Lê Du : Bạch vân Am thi văn tập)

Xem các câu trên ta thấy rõ ràng toàn là những tên đất đã xảy ra việc biến động rồi đến tới cụ Trương bị phá hủy ở Cổ Am.

Nào Kiền An Lâm Thao, Hưng Hóa Yên Bái Vinh Bax : những tên ấy đã nhia : nhờ vào những kỷ niệm đau đớn của các chiến sĩ đã hy sinh thân thể cho nền độc lập Việt Nam.

Nếu những lời sấm kia có thật phải chăng cụ Trương Trình với sự học hỏi thâm sâu đoán trước những việc thất bại của các đảng

Tri-Tân sẽ ra số c-San về :

*Việt nam
giải phóng*

Trong đó đại khái những mục như :

- 1) Tường thuật chi tiết giải phóng ở các địa phương từ mùng 10 ba 1945.
- 2) Công cuộc gây độc lập qua các triều đại.
- 3) Những cuộc quyết tử khi Pháp thuộc.
- 4) Giọt máu hi sinh.
- 5) Tai nghe nhất thấy thời Pháp đô hộ.
- 6) Những áng thơ văn huyết.
- 7) Nét mực lịch sử : Thư của Lưu-Vĩnh-Phước - Thơ và của đối kháng-Dậu - Gulab - khi ca...
- 8) Việt-nam quốc dân (phóng, văn).
- 9) Thạch niên với nền Việt-nam v. v...

Bất mong các bạn hưởng ứng hoặc giúp đỡ, hoặc góp lời Tri-Tân, để số Đặc-san này được có kết quả.

TRI-TÂN

Nhân ngày giỗ cụ Phan Tây-hồ

Máy vắn kháng-khái

Ngày 5 tháng tư dương-hịch là ngày giỗ cụ Phan Tây-hồ, một nhà đại chí sĩ đã từng tận tụy đến phút cuối để theo đuổi một công cuộc: mở trí dân, nâng quyền dân.

Việc làm tọ Phan tuy quang minh và ôn hòa, nhưng ở dưới chế độ cường quyền của người Pháp, nó vẫn là « tội ».

Nhân dịp bây giờ Quảng nam có vụ xui xua (1908), các nhà đương cục Pháp liền đổ thừa cho Lê sinh đứng sau cổ động dân chúng, rồi vin vào cơ đó, làm án đầy kiện sinh đi Côn-lôn.

Từ thán Huế, đeo xiềng sắt đi nơi đây ấy, tiền sinh tỏ ra mình đầy vắn nuôi được cái khí hạo nhê, không chịu khuất phục vì oai võ. Tiền sinh có làm một bài thơ :

纍纍鐵鎖出都門
慷慨悲歌舌尚存
故國淪亡民族瘁
男兒何事怕崑崙

Dịch âm

Luy luy thiết tỏa xuất, đó môn,
Khảng khái bi ca thiết thương

Cổ quốc luân vong, dân tộc tụy!
Nam nhi hà sự phạ Côn-lôn?

Dịch nghĩa

Đeo xiềng lằng lằng trái đó

Khảng khái buồn ca, lưỡi vẫn còn.

Nước cũ tan tành, dân héo rạc,
Tài trai đâu có sợ Côn-lôn.

Ý tác giả cho rằng mình đầy chân tay tuy bị xiềng xích, nhưng ba tấc lưỡi này còn thì rồi ra vẫn còn có thể cử hạo cổ suy hăng hái được. Tại sao « con thiên tử » cứ phải dẫn mình vào lửa như thế, là vì nghĩ rằng nước thì mất, dân thì lầm than, bốn phần buộc phải lãnh động. Vậy kẻ đại trượng phu làm việc chỉ nhắm theo đại nghĩa thôi, chứ há sợ gì cái thứ Côn-lôn là đâu mình sẽ phải đầy ấy, tù tội?

Khi ở Côn-lôn, tiền sinh thường được ở ngoài, sống hơi ung dung hơn các bạn phải ở trong khám. Những hôm đi câu cá, hề kiếm được bao nhiêu thì tiền sinh lại đem chia cho các bạn đồng tù.

Hằng ngày, tiền sinh, cũng như các bạn khác, phải đi khuôn đá, đập đá. Xác thật, tuy phải làm việc khổ cực, nhưng tinh thần vẫn phóng khoáng thản nhiên, tiền sinh có làm bài thơ « Đập đá » như vậy :

Làm trai đứng giữ đảo Côn-lôn,
Khảng khái làm cho lở núi

Vác búa đánh tan năm bảy

Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Tháng ngày bao quân thán

sánh sỏi.

THI-TAM

... cụ Cử Dượng

(Tiếp theo trang 8)

Ngán nhẽ khôn thiêng quá hạn, lương đề ai lỡ vận sai thời;
- Thương thay khối giận chưa tan; chờ đến lúc tuôn máy dẩy gió.

Chúng tôi đây!

Knáp mặt gần xa.

Đã hăng thán cổ

Dáng nèn hương viếng trước anh hồn

Nhờ sức Phật đưa về tỉnh độ
Giá phông bấy giờ còn sống, phứt, chốc bản cơ thay vắn khác, nhìn lại nhìn, dạ cũng người người :

Tiếc thay vội vã làm chi, lỡ mở ngọn biển cách mây xa, nhớ lại nhớ sâu càng vô vô.

Ngẫm cho phải thác thì đành hẳn, thác đề tên, đề lại một đời tiết-ngĩa, thác cũng là vinh.

Suy đến nơi, sống phải thế nào, sống còn nhà vờ nước, còn muốn nổi ưu nan, sống sao khỏi hồ.

BÙI-KY

Mưa nắng càng bền dạ sắt son,
Những kẻ vá trời khi nhớ bước,
Gian nan chi kể sự con con.

Khi ở hải ngoại, chừng vào khoảng 1924-1925, hên, ta có bồi ý kiến tiền sinh đối với luận điệu của một vài nhà « được gọi là tại mặt » ở đương thời. Thì hai câu này của tiền sinh đã đáp lại một cách trắng thản và chua chát :

« Hại thay những lũ ruồi mòng,

« Thừa cơ mùa rối giết lòng người, ta ! »

SONG CỐ

Những truyện về-vàng

(Tiếp theo trang 5)

(1443) truy tặng chức Bình chương quân-quốc trọng-sự, cho dùng Kim-ngư-dại Kim-phù (tức là cái túi thêm con cá vàng và ấn vàng hoặc thẻ vàng) trước huyệch thượng hầu. Năm thứ nhất hiệu Hồng-đức (1470) truy tặng Diên-phúc hầu, đến năm thứ mười lăm (1484) truy tặng thái-uy Phức-quốc-công, sau gia phong làm Trung-túc vương (trang 11, ông Lân chép là « tấn phong-dại-vương » thì nhầm).

« Lê-Lai sinh hạ con trai : trưởng là Lu, thứ là Lộ, út là Lâm, đều có tài-nghề, vua Lê-Lợi nuôi dạy rất là tử-tế, y như con đẻ (trang 12, ông Lân chỉ chép « con ông Lê-Lai là Lê-Lâm »).

Năm Ất-tý (1425) vua Lê-Lợi vây thành Nghê-an Lê-Lư cũng các tướng chia đánh các xứ, mất tại trận ; năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1428), được truy tặng thiếu-úy ; năm thứ mười lăm hiệu Hồng-đức (1484) truy tặng trước Kiến-tiết hầu, sau gia tặng Kiến-quân công.

Năm Tân-sử (1421), trận đánh ở sách Ba-lâm và cửa ải Kinh-lộng Lê-Lộ đem phục-binh đánh được Trần-Trí thắng tả-trung-quân tổng-đốc chư quân sự. Năm giáp-thìn (1424) theo vua Lê-Lợi đi đánh châu Trà-lân (Khâm-định Việt-sử, q 13, từ 18 a chép là Trà-long) thì đánh ở Bồ-lạp, đuổi được quân Phương-Chiến và Sư-Hộ được thả g t ải bắt ; tháng mười năm ấy, đánh nhai với giặc, bị-mũi tên tạt rồi chết. Năm thứ

Sự thực về việc phá thành Hà-nội...

(Tiếp theo trang 9)

Về cái chết oanh-lộ của quan Tổng-đốc Hoàng Đệ n oài khi Hà thành c ình khi ca l i cò t vào thơ sau đây :

Thơ :

Trái phá tây-trường chực bắn vào,
Chỉ (3) không cho đánh b.ết làm
sao ?

Ngọn cờ tướng lệnh uy linh
gượng.

Chén rượu đông n.ón 4 kh.ải g
khải pháo.

Uất khí Nàng-sơn cây muốn
cựa,

Thương-lâm Nhị thủy sóng
tranh rảo ;

Chồi hoa Võ miếu th.ơm lây mãi,
Sống trộm đời trông thẹn biết
bao !

Bài hát :

Ngó nhân khoa hoan phùng
thời đi (?)

Thần tử thong dong tự nghĩa
nan ;

Quan Hà-ninh tổng đốc họ
Hoàng,

Con thảng thốt vũng vàng
gan sắt đá

nhất hiệu Thuận-thiên (1428) truy
tặng thái-úy ; Năm thứ mười lăm
hiệu Hồng-đức (1484) truy tặng
Châu-công hầu s u a tặng Công u
quân-công

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giận bạch quí bất luận vương
hóa.

Đem bức thư ra dạ bội hòa ;
Giữ cố thành một trận sóng pha
Gó Nàng Ninh, Nhị hà soi chính
khí

Nhân sinh tự cò thù vô tể,
Tử u quốc sự tử cương thư sng;
Lòng xem khinh l.ên đ.ạn một
trường,

Tử danh tiết lấy lưu hương
làm trong

Khi biện tử tới hành-cung bãi
vơ 19,

Lạy vua rồi ra Võ miếu xếp linh
luân ;

Làm gương cho khách biện
th n .

TIỀN ĐAM

(thuyết theo lời cụ Nguyễn
Đình Trọng tức Lê T n)

(3) Vua Tự Đức vẫn có ý h.ết nên
trên đường đánh với

(4) Trước lúc đó quan Tô g đ.ở
hợp các quan uống rượu ăn th.ở ở
Đông môn thì ai ai cũng ra đánh
hăng hái.

Đón coi số tới :

— Nhớ lại một h.ội h.ở đ.àn
với cụ Dương Bá-Trạc

của ĐOÀ Đ.ÀNG

— Thanh niên vô việc ở trừ
các về lí h.ở nô lệ

của PH.ÀM M.ÀNH PH.ÀM

ĐẠI NAM ĐẤT SỰ

55 59

Ung-hợp NGUYỄN VĂN-TÔ

Nùng-tri Cao trốn ở Sơn-dông. Đến năm tị - ty (1041) Trí - Cao cùng mẹ là A - Nùng-lữ động Lôi-hoả (ở phía tây-bắc Lạng-sơn) lại giữ châu Đàng-đo, đổi tên châu là nước Đại-lịch Vạn-Lý - Thái-tông sai tướng đi đánh, bắt sống được Trí Cao đem về kinh sư. Vua thương cha Trí Cao là Tôn-Phúc và anh Trí Cao là Trí-Thông đã bị giết, nên tha tội, cho làm chức mục ở châu Quảng-nguyên, thêm cho đất các động Lôi-tỏa và châu Tư-lang, nay là huyện Thượng lang và Hạ lang tỉnh Cao-bằng (Khâm-định Việt-sử q. 3, tờ 2 b).

Đến « năm quý-mùi (1043) mùa thu tháng chín, sai Ngụy - Trung đến châu Quảng-nguyên ban ấn cho Nùng-tri-cao và phong làm thái-bảo » (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư q. 2, tờ 32 b).

Sử-thần Lê-văn-Hưu bào rằng « Năm trước Nùng tôn Phúc làm phản, tiếm xưng hiệu vua, dựng nước đặt ra quan-thước, Thái-tông đã bắt tội Tôn-Phúc mà còn sót Trí-Cao. Nay Trí-Cao lại noi theo con đường của cha làm điều trái phép, thì tội lớn lắm, giết đi mới đáng, lột cả quan-thước đất đai giao làm thứ nhân cũng còn được. Thái-tông đã tha tội, lại thêm đất cho, rồi lại cho ấn, phong làm thái-bảo, thật là thưởng phạt không có phép ! Kịp đến khi nó quấy rối ở Quảng

nguyên, lại đem quân đến cửa láng giềng, có khác gì thối con hổ dữ cắn người, rồi thông trã đến cứu ? ... Thái-tông đem vào lòng nhân-ử của đạo Phật, quên cái nghĩa-vụ là mình có nước ; nhưng đến nhân kia là việc nhỏ mà nghĩa vụ là việc lớn » (Đại-việt sử ký, toàn-thư, q. 2, tờ 33 a).

Cho nên Nùng-Trí-Cao đã được phong thái bảo mà thôi thì vẫn không chịu, « Giữ động Vải-ác để làm phản, tiếm xưng Đại nam quốc (cứ như thế thì chữ Đại-Nam đã có từ năm 1048 hoặc 1052, nhưng đó là tiếm-thiệu của họ Nùng mà cõi đất này chỉ có một ít vào nước ta và một vài châu của nước Tàu, cho nên không thể chép vào quốc hiệu được. Chữ Đại-Nam là quốc-hiệu của ta, mãi đến năm 1834 mới có.

Trí-Cao đổi mien hiệu là Cảnh-thụy. Năm Mậu-ý (1045) Vua Lý Thái-tông sai thái-úy là Quách-thịnh-Dật đi đánh không được, trở về Trí-Cao nhân xin nội-phụ với Tống, vua Tống không cho, Trí-Cao tức giận, bèn cùng đồ-dãng, mưu cướp vào cõi đất nhà Tống. Có một hôm Trí-Cao ngầm đốt chỗ ở, rồi nói dối quân-chúng rằng : « Những cửa thò tự ngày thường đều bị thiên hỏa đốt, thì sinh-kế cũng gần mất. Chỉ bằng sang cướp, châu Ung châu

Quảng của nhà Tống, đề tự làm vua ». Chúng đều nghe mệnh-lệnh, đem năm nghìn quân theo dọc sông xuống phía đông đánh châu Ung nhà Tống, họ được thành » (Khâm-định việt-sử 3, tờ 13 a-b).

Đoạn này Đại việt sử ký, toàn thư (q. 2, tờ 37 a) chép « Quách-Dật đi đánh, ... Trí-Cao đầu hàng » có lẽ không đúng, vì lúc ấy Trí-Cao đã lập thành nước, đổi niên hiệu, thế rồi không báo, không có lẽ một toán quân đã bại nổi ; nếu quả nhiên đã xin hàng, làm sao lại có việc xin nội phụ với Tống đề chống nhau với triều đình nhà Lý ? (Sử của Ngô-thị Sĩ chép Quách-thịnh-Dật đi đánh không được, có lẽ phải hơn (K. đ. s. q. 3, tờ 13 b).

Còn sử sau chép thế họ Nùng như sau này :

« Họ Nùng từ đầu nhà Đường (vào khoảng 618 sau T. C.) xưng hùng ở Tây nguyên, dần dần làm thủ lĩnh châu Quảng nguyên. Đến cuối đời Đường (vào khoảng 906 sau T. C.) Giao chỉ cường thịnh, châu Quảng nguyên thuộc về Giao chỉ, trị châu Đàng-đo là Nùng-toàn) Phúc (sử ta chép là Tôn-Phúc) bị người Giao chỉ giết, vợ Nùng toàn Phúc lại là người lạc-buôn, sinh ra Trí-Cao nhưng vẫn đời họ Nùng. Khi Trí-Cao đã lớn, cùng với mẹ giữ châu Đàng-đo, dựng nước là Đại-lịch. Người Giao chỉ đánh, bắt được, thả rồi lại gọi làm tri châu Quảng nguyên, Trí-Cao oán Giao chỉ lừa khéo đánh cướp châu An-đức (sử ta chép là động vật ác (tiếm xưng là Nam) thiên quốc (cứ ta, chép là Đại-

Nam), đổi hiển hiệu là Cảnh Thụy, rồi chiếm nộp những kẻ trốn tránh, cũng hiến Trưng quốc, xin nơi phụ (nhà Tống) (nhiều-dịch (Tàu) & ông chèo. Tri-Cao lại dâng vàng và thư để xin, triều đình cũng không trả lời. Tri-Cao tức giận cũng với liên sĩ châu Quảng là Hoàng sư Bật (sư ta chép là Hoàng) sư-Mật) mưu giữ Quảng-nam (nay phủ Quảng-nam thuộc Vân-nam) đem những áo rách ra đổi lấy thuốc. Bật nói dối rằng trong động đổi kẽm, bỏ lạc lìa tan. Chức tri châu ở châu Ung là Trần-Hồng tin là thật, không đặt phòng bị, bỏ một tối Tri-Cao tự nhiên thả lửa đốt rồi ở rồi nói dối quân-cung rằng: « nhưng đồ tích-tự ngày trước, này bị thiếu hoa đốt, sinh kế tung quân nên lấy châu Ung châu Quảng để tự làm vua, nếu không thì chết cả. » Chúng nghe theo. Tri-Cao bèn đem năm nghìn quân đi dọc sông xuống phía đông, đánh châu Ung thủ-tướng Hoàn-h - giang là Trương nhất-Tân, đánh nhau bị chết. Vua Tống ban chiếu ra: lộ Giang nam Phúc kiến đem quân phòng bị. (Thông giám cương mục, kỷ biên q. 5, tờ 5 b)

Việc Tri-Cao đánh châu Ung bắt đầu chép vào tháng chín năm kỷ-sử (1049) sư ta chép vào khoảng tháng chín năm mậu-tý (1048) Sư ta lại dẫn sử tàu như sau này

Tri-Cao bèn được châu Ung nhà Tống giữ châu-tiêu xưng làm huệ hoàng - đế, đổi niên hiệu Khái - lịch. Bấy giờ quân cướp đi đến châu huyện hào thì tướng giữ, thành đều bỏ chạy

Tri-Cao bèn được tám châu là: 1, Hoàn-h (nay thuộc phủ Nam ninh, tỉnh Quảng tây); 2, Quý (nay huyện Quý, Quảng tây); 3, Đẳng (Khâm định tiên biên, q. 5, tờ 30b), chúa Đẳng-châu là xã Đẳng châu thuộc Hưng yên, thi nhâm, vì lúc ấy Tri-Cao bèn được tám châu, không có lẽ bảy châu thuộc về đất lâu mà gó một châu lại thuộc về trung châu đất là 4, Ngô (tức Thương ngô, nay là Ngô châu) 5, Khanh (nay lộ Đức-khánh, Quảng đông); 6, Đôn (nay phủ Triệu-khánh Quảng đông); 7, Lung (nay huyện Bình nam Quảng tây); 8, Tầm (Khâm định địa dư là phủ Tầm hậu tỉnh Quảng tây bây giờ ở; Nhưng có lẽ nhâm xỉ sử tàu chép là châu Phong xem chữ chữ Phương ở dưới này nói rõ).

Rồi Tri-Cao uấn vây châu Quảng, đắp đất ở ngoài thành để đàn vào mà không hạ được, lại trở vào châu Ung. Việc ấy đến ai vua Tống: vua Tống cho Đr-Tĩnh, Dương-Điền và Tôn-Miền đi kinh lý. Lúc bấy giờ Tri-Cao cướp bóc khắp nhiều cùng này, càng tệ, mà bọn Dương-Điền đi kinh lý đã lâu không được việc gì: Vua Tống lấy làm lo. Tri-Cao đưa thư xin làm kết đô sứ Ung Quốc vua Tống sắp nhận lời đều hàng thì có Xư-Mật pho sứ là Địch-Tuân dâng biểu xin đi đánh: vua Tống cho Địch-Tuân làm tuyên phủ sứ đem quân đánh Tri-Cao Địch-Tuân đi đến Quảng nam hợp với quân của Tôn-Miền và Đr-Tĩnh, tiến đánh châu Tầm (thuộc phủ Liễu châu, Quảng tây) dạn tác tự xưng ông ai được đánh nhau với giặc với. Nhưng chữ Quảng tây xem đặt

là Trần-Thự thiện tiện đem tám nghìn bộ binh đánh giặc, bị thua ở cửa ải Côn-luân (ở phía đông bắc huyện Tuyên hóa, phủ Nam ninh, tỉnh Quảng tây). Địch-Tuân họp các tướng xét tội Trần-Thự đem chém, rồi sông quân ở trại nghỉ mười ngày: quân chúng không ai hiên sạo. Giặc dòm dò trở về nói rằng: quân Tống chưa tiến. Đến sáng hôm sau Địch-Tuân đem quân qua cửa ải Côn-luân. Tri-Cao cho hết quân ra chống cự. Địch-Tuân đem kỵ binh vây bọc tất cả tả hữu để đánh; Tri-Cao thua chạy quân Tống đuổi theo tám mươi dặm, chém và bắt đầu quân địch. Đẳng của Tri-Cao là bọn Hoàng sư-Mật một trăm năm mươi người đi chế giễu trận. Tri-Cao đốt thành đem rồi chạy vào nước Đại lý (lúc là Nam-châu, bây giờ thuộc tỉnh Vân nam). Sau hai năm Đr-Tĩnh sai dò-gám là Tề-Chú đi dò-gám Địch-Tuân (nay phủ Quảng-nam thuộc Vân-nam) bắt sống được mẹ Tri-Cao, em Tri-Cao là Tri-Quang và con là bọn Quế-Phong Lại một tử sĩ vào Đại lý tìm Tri-Cao, lúc ấy Tri-Cao đã chết, tử sĩ chặt đầu Tri-Cao đóng hòm đưa về Kinh sư. Nhà Tống bèn giết mẹ và em cùng tử con. Họ Ung từ bấy giờ mới tuyệt. (Khâm định việt sử, q. 3, tờ 16b đến 17b, dẫn Thông giám cương mục tác biên của tàu, q. 5, tờ 5b đến 8a)

Xem lục biên của Tàu, thấy k áy một và chỗ, dịch cả ở dưới này:

Khi ông thán sán « Năm 1049 (1052) Ung - ri - cơ bèn bắt ri châu là bọn Trần-Hồng. Tri-Cao mười đời

chức lý-hộ là Khổng - tông - Đán, nhưng Tông-Đán không chịu khuất, mang to, rồi chết. Tri-cao lấy châu ấy gọi là Đại-Nam-quốc tự xưng Nhân-huệ hoàng-dã đời niên hiệu là Tam - lịch (sử Khâm-dịnh dẫn là Khai-lịch), đặt quan chức liệu thuộc. Lúc ấy Thiên-hạ được yên ổn lâu, các châu quận ở Quảng-nam không phòng-bị, quân Tri-cao đi đến, dân các thú-thần cũng bỏ thành chạy. Tri-Cao bèn luôn tám châu là: Hoànb, Quý, Đẳng, Ngô, Khang, Đoan, Cưng, Phong, (sử Khâm-dịnh dẫn châu Phong làm châu Tầm là lầm, vì dưới có chuyện Tào-Cận là tri-châu châu Phong bị chết). Tri châu Phong là Tào Cận, tri châu Khang là Triệu sư Đán đều đánh nhau chết. Tri Cao tiến vây châu Quảng, tri châu là Ngụy Quán cố sức chống cự. Tri châu Anh là Tô Giám mộ những quân khỏe mạnh, tập vài nghìn người tới cứu, chọn đường không chó giặc về, bắt được bộ Hoàng sư Bật đem chém đầu làm hiệu lệnh. Chức chuyển vận sứ ở ngoài đến, cũng mộ dân binh, đề thêm phòng bị, vì thế thành Quảng châu không bị xâm. Việc đến tai vua Tống, ban chiếu cho Trần Thự đi đánh, cho Đur-Tĩnh làm Quảng tây an-phủ-sứ, cùng với chức đề-binh là Lý-Xu và Trần-Thự kinh lý việc trộm giặc, lại cho Dương Diên hiệu lượng võ ở Quảng nam, đem quân liềm lại Quảng - đông đến cứu. *Cương mục, tục biên, q. 5, tờ 7 a).*

« Đến tháng bảy năm ấy (1052) Nàng Tri Cao, hãm châu Chiêu. Tháng chín, vua Tống cho Tôn Miện làm Quảng nam an-phủ-sứ » (*Cương mục, tục biên, q. 5, tờ 7 a).*

« Nàng tri-Cao cho quân cướp bóc quấy nhiễu càng

ngày càng lắm; vùng Lĩnh ngoại nào động, mà bọn Dương Diên lâu ngày không có công trạng, vua Tống lấy làm lạ. Tri-Cao đưa thư đến hành doanh, xin làm tiết độ sứ Ung-Quố; vua Tống toàn nhận lời đầu hàng của Tri-Cao, thì Lương-Tịch can rằng: « Nếu vậy, thì vùng Lĩnh hầu không phải của triều đình ». Lúc ấy Dịch-Thanh dâng biểu xin đi, vua Tống bèn cho Dịch-Thanh làm tuyên phủ sứ, đề cử Quảng - Nam kinh lý việc trộm giặc. Dịch-Thanh vào tâu rằng: « Tôi xuất thân từ chốn hàng ngũ, không đi đánh dẹp, không lấy gì báo đền việc nước, tôi xin vài trăm quân kỹ và một ít cấm binh, sẽ trời dầu giặc đem về dưới cửa quyết », Vua Tống khen lời nói của Dịch-Thanh là mạnh, cho chức nhậm nội đô tri nhậm là Thủ-Trung làm phó tướng của Dịch-Thanh. Chức tri giám viện là Lý-Đoái nói rằng: « Nhà Đường sở dĩ mất chính quyền, tại dùng bọn giả coi quân đến rồi chủ tướng phải rút tay ». Vua Tống bèn bãi việc dùng Thủ-Trung. Chức giám quan là Hàn, Giáng lại nói rằng: « Dịch-Thanh là quan võ, không nên cho chuyên quyền ». Vua Tống cho Lôi Bằng-Tịch. Tịch cố sức tán thành Dịch-Thanh nên dùng, và nói rằng: « Nếu không cho chuyên quyền kiểu lệnh thì chi bằng không dùng ». Vì thế vua Tống ban chiếu cho các quân Lĩnh-Nam đều phải theo tiết chế của Dịch-Thanh » (*thống giám*

cương mục, tục biên, q. 5, tờ 7 b).

Vào khoảng tháng mười năm ấy (1052), « Nàng-tri-Cao hãm Tân-Châu, lại vào châu Ung. Lúc bấy giờ Giao chỉ xin ra quân đánh Tri-Cao để giúp nhà Tống. Đur-Tĩnh cho là tiện nghi, nên bằng lòng. Rồi tâu về triều đình Trung-quốc, Dịch-Thanh tâu rằng: « Mượn quân ở ngoài để trừ giặc trong, thì không phải lợi cho ta. Có một mình Tri-Cao quấy rối hai châu Quảng, mà đã không trị nổi, phải mượn quân man-di (!) Người man-di tham lợi quên nghĩa (!) Nhân đó mà gây loạn, thì lấy gì mà chống cự, xin bãi việc Giao chỉ giúp quân ». Vua Tống nghe theo. (*Cương mục tục biên, q. 5, tờ 7 b).*

« Dịch-Thanh mang quan đi, hàng ngũ ngay ngắn, ước thúc nghiêm minh, đêm ngủ ngoài đồng cũng thành định trại. Đến tháng mười hai năm ấy (1052) quân của Dịch-Thanh đến Quảng Nam, họp với quân của Tôn-Miện và Đur-Tĩnh, tiến đóng ở châu Tân, truyền cho các tướng « không ai được đánh nhau với giặc vội, đợi ta đến sẽ làm ». Thế mà chức kềm hãm ở Quảng Tây là Trần-Thư nhân khi Dịch-Thanh chưa đến, đem tám nghìn bộ binh ra đánh giặc, bị võ ở cửa ải Côn-luân, bọn Viên-Dụng đều trốn, Dịch-Thanh nói: « Vì lệnh không nghiêm nên bị thua »,

TÁI - KÍ

Sớm hôm sau đem Trần-Thụ-ra cửa quân dễ chém. Tôn-Miến và Dư-Tĩnh nhao nhao không dám nói gì, các tướng đều sợ run, không ai dám trông lên. Chém Trần-Thụ xong, đem bọn Viên-Dụng ba mươi hai người chiếu tội - trạng bại - vong thì - hành » (Cương-mục, tục - biến, a. 5 từ 7 b).

« Dịch-Thanh giết xong Trần-Thụ, cho các quân đóng ở trong trại, nghỉ mười ngày, quân chúng không hiểu ra sao. Những quân đi dòm-ngó của giặc về nói rằng : Quân Tống chưa tiến ngay. Đến sáng hôm sau (lúc ấy đã sang tháng giêng năm quý - ty, tức năm 4053), Dịch-Thanh liền sửa sang quân lính, tự mình làm tướng - tiền - quân, Tôn-Miến làm tướng - đạo quân thứ hai, Dư-Tĩnh đi sau cùng. Đêm hôm ấy đóng ở cửa ải Côn-luân. Đến tờ mờ hôm sau, sửa sang cờ trống đại-tướng; các tướng thuộc-hạ đứng quây xung quanh đợi lệnh của Dịch-Thanh thế mà Dịch-Thanh đã mặc áo thường cùng với quân tiên-phong vượt qua cửa ải, giục các tướng cũng nhau ăn cơm ở ngoài cửa ải : giặc mới biết, đem hết quân ra đón đánh. Hữu-tướng là Tôn-Tiết, đánh giặc chết ở dưới núi. Thế giặc đang hăng, bọn Tôn-Miến sợ thất sắc, Dịch-Thanh cầm cờ trắng, vẫy quân kỵ-binh, từ hai cánh tả hữu xông vào đánh, lưng hoành kiếm hợp, đội ngũ không rối loạn, giặc không kịp nghĩ, bị thua to, rồi là hàng. Quân Dịch-Thanh đuổi theo, hăm thối dẫm, chém đến vài nghìn đầu. Đàng của giặc là bọn Hoàng - sư - Bật, Nùng - kiến

Trung, và thuộc hạ bị chết đến một trăm năm mươi bảy người; còn quân thì bị bắt sống hơn năm trăm, chôn kẻ hàng vạn. Trí - Cao đem thả lửa đốt thành, trốn đi, qua cửa sông Hợp-giang sang nước Đại-lý. Hôm sau, Dịch-Thanh đem quân vào thành, bắt được vàng lụa kẻ hàng vạn, vớ về những người già mạnh được 7200 người, toàn là những người bị giặc bắt hiếp phải theo. Dịch-Thanh an ủi cho về làm ăn, bêu đầu bọn Hoàng-sư Bật ở dưới cửa thành, nhặt những xác chết chôn cả ở gốc Bắc thành và làm kinh quán ở trên. Lúc bấy giờ có xác tên giặc mặc áo dát vàng thêu rồng, chúnng cáo là Trí-Cao đã chết, dộng vào về triều-dinh, Thanh nói rằng : « Biết đâu chúng phải là trá, thà mất Trí-Cao, còn hơn là nói dối triều-dinh để tham công danh ». Thả là vùng Quảng-Nam được yên hết. Tin thắng trận về đến triều đình, vua Tống mừng nói rằng : « Dịch-Thanh mà đánh được giặc; là công của Bàng Tịch, và nếu không có lời Lương-Thích thì cõi Nam yên hay nguy, chưa thể biết được », rồi xuống chiếu cho Dư-Tĩnh kinh chế Quảng tây, để theo bắt Trí-Cao, với Dịch-Thanh, Tôn Miến về triều. Sau hai năm, Dư-Tĩnh sai độ giám là Tiêu-Chủ vào đường Đặc-Mã; bắt sống được mẹ Trí-Cao, và em là Trí-Quang, còn là Kế-tông Kế Phong, lại mộ tử sĩ, sang Đại Lý, tìm Trí-Cao, qua nhiều lần nơi tiếng khác nhau mới tới

nơi, thì Trí-Cao đã chết ở Đại lý Tử-sĩ chắt đầu. Trí-Cao đóng hôm đưa về Kinh sư. Vua Tống bèn làm tội giết mẹ và em cùng con Trí-Cao » (Cương mục tục biến, q 5, từ 8 a).

Nhân mục này là đặt sự, tôi chép một câu chuyện mua vui như sau này : Người Tàu có lối đánh bạc bằng chữ, đặt ra ba mươi sáu chữ kếp, như chữ thứ 1 là « chiếm khôi : chiếm đầu », thứ 2 là « Bản quế : bẻ quế », thứ 3 là « Vinh sinh : tươi tốt », thứ 4 là « Phụng-xuân : gặp-xuân », thứ 5 là « Trí-Cao : trí khôn được cao ». Khi đánh thì họ để một chữ vào trong hộp treo trên cao, ở ngoài hộp họ đặt ra một câu thơ, có khi hai câu : những thơ ấy đã có nhà nghề làm ra, có thể giảng nghĩa vào chữ nào cũng hợp nên gọi là đố chữ. Họ lại đặt ra 36 tiêu-sử gắn vào 36 chữ ấy. Tiêu sử Trí-Cao họ chọn là ông tổ nghề đố chữ, tức Nàng-trí-Cao, cho nên khi họ mở, trừ khi nào họ thua lắm. Mở lối ấy tức là đánh lừa thên hạ, vì người ta đã biết là bém của nghề đố chữ, phải kếp chữ Trí-ca, nên không ai đánh Họ lại tục-truyền rằng mở câu ấy tuy được lợi trước mắt, nhưng về sau thất bại.

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN VĂN-TÔ

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhũn lòng An-Tư công-chúa
và Thoát-Hoan, đặc thư quốc nan đã »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mãn thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 28

Quốc công là người bình tĩnh nhất trong đội chờ. Nhưng đêm đêm ngủ vẫn cúi xuống cái bàn cờ của Vũ tri Thăng, liệu những đường lối mà Toa Đô thế tất phải qua, và nơi gặp gỡ giữa quân mình và quân địch. Ngai yên trí:

— Chỉ còn đợi xem trận đánh ra sao. Nhưng quân sĩ là những quân tinh nhuệ, tướng tá toàn là những kẻ có胆 lược, có tài trí, không thể nào thua được.

Ngày cứ lặng lẽ trôi, vua tôi thấy bại mãi tin, đều lấy tâm lo lắng. Quốc công phải nói:

— Thua trận này, không những Chiêu văn vương phải nộp đầu, mà chính tá cũng vậy.

Và tướng-sĩ đánh đố nhau:

— Một là quân Toa Đô không gặp quan quân và đã lợi với quân Thoát Hoan; hai là quân Chiêu văn vương đã gặp quân địch và đã bị phá tan. Khi vương đi, đã dặn lại rằng nếu có sự về thì tức là thắng, mà không thì tức là thua. Vì thế nên càng đợi lâu bao nhiêu thì người ta càng lo ngại bấy nhiêu. Người ta chỉ được

chút yên tâm là trái. Quốc công rất vững. Quốc công đã quyết thế nào, thì thường trăm phần đúng cả, nhất là về việc hành binh thì ngoài lại sáng suốt vô cùng. Tráng rầm đã lặn, rồi vắng mười sáu, rồi trắng mười bảy, rồi trắng mười tám. Tính ra Chiêu văn vương đi đã được 15 ngày.

Một hôm, giữa lúc đợi chờ đã đưa người ta đến một chán nản, gần như thất vọng, thì một người lính canh ngoài bờ bể báo tin:

— Thưa Hoài văn hầu!

— Hoài văn hầu đã về!

— Có thực không?

— Hoài văn hầu đâu?

Và tin Hoài văn hầu về chỉ trong chớp lát đã lan đi khắp nơi. Tuy kỷ luật nghiêm minh, người ta cũng đồn ra nghe ngóng tin tức. Những người đi chậm, đã nghe thấy tiếng reo ầm ầm, rồi thấy tướng sĩ xúm xít vây chung quanh Trần quốc Toản, khiến cho ngựa chàng không sao tiến được. Người thì hoa chân múa tay, người thì nhảy lên bàn hữu, người thì tung khăn giờ kiếm, ai nấy đều mặt đỏ bừng bừng, mắt sáng như điện,

tiếng hoan hô om-xòm, át cả tiếng bể gầm:

— Thắng rồi! Đại thắng! Hàm tử quan! Quân giặc thua rồi! Toa Đô lặn rồi! Quân giặc thua rồi! Toa Đô tan vỡ! Thắng rồi! Đại thắng rồi!

Sướng quai Đại tướng! Đại tướng! Khởi phục Thăng-long! Vạn tuế! Vạn tuế! Sát! Sát! Khởi phục Thăng-long!

Người ta còn nhận rõ những tiếng hô Quốc công, Chiêu văn vương, Chiêu thành vương, Hoài văn hầu, Nguyễn Khoái, Triệu Trưng, như tiếng pháo nổ trong một ngày rước đám.

Hoài văn hầu nói:

— Đều ta vào thăm mệnh Quốc công đã. Ta mang một lễ của Chiêu văn vương. Hãy đi đi, các người.

Mấy người tướng, vui vẻ hiện trên nét mặt, cười duyên nở trên môi, cố kìm giữ nỗi mừng, báo quân sĩ.

— Anh em hãy dẹp ra để Hoài văn hầu đi đi. Việc quan nhỡ ra thì lại thế nào?

Lại tiếng hô:

— Hàm tử quan! Cho chúng biết mặt trái nước Nam. Hàm tử quan! Đánh cho giặc không còn một mảnh giáp. Khởi phục Thăng-long phía này. Đến lượt, anh em chúng ta.

Và họ rân ra cho Hoài văn hầu đi. Người thiếu niên, vừa tẩu ngựa, vừa ném ra bốn phía cầu:

— Đại tướng ở Hàm tử quan!

Lời nói của chàng trong và nhẹ như tiếng suối ròn reo, đượm vẻ ngây thơ hào hứng. Hầu đã tiến

đi vào trong dinh Quốc công, Thượng hoàng, vua Thiệu-bảo cũng hấp tấp chạy ra, và hoàng đế Tá-thiền đại vương Đức-Việt đang tập trận cũng chạy tới xem tin mừng có thực. Trong khi ấy, tướng sĩ có nể dè gì, họ về trại mình, sửa soạn tập trận, yên trí là đến lượt họ đi khôi phục Thăng-long này mai... Những tiếng ca, tiếng huân nào, trong các dinh trại nổi lên, hoà với những tiếng đàn kiếm chạm nhau, tiếng trống đồng rộn, và tiếng kèn Sát Thát...
 Hoàng đế vương hỏi Hoài văn hầu: — Cháu về, chắc có tin mừng cho chú.

Hoài văn hầu quỳ dưới thềm, thưa: — Cháu vàng xương lộn Chiêu văn vương, và đang tin rằng trận Hiện tại tại cửa Vạn vương và sông công lao, kinh trình hai Thành và Quốc công.

Hoàng đế vương truyền cho Hoài văn hầu: — Cháu lập công đầu chứ?

Hoàng đế vương, cháu chỉ làm quân chận quân sĩ. Công đầu là ở Triệu Trung tướng quân cả. Thực là một bề tướng anh hùng.

Thượng hoàng phán: — Hoài văn hầu, có mặt ở trận nào là công đầu ấy.

Tâu Thượng hoàng, đó là công đầu của Quốc gia, thân vũ của hai Thành, chứ hạ thần có công đầu gì.

Vua Thiệu-bảo chỉ một cái ghế và phán: —

Hoài văn hầu, có mặt ở trận nào là công đầu ấy.

Tâu Thượng hoàng, đó là công đầu của Quốc gia, thân vũ của hai Thành, chứ hạ thần có công đầu gì.

Vua Thiệu-bảo chỉ một cái ghế và phán: —

Hoài văn hầu, có mặt ở trận nào là công đầu ấy.

Tâu Thượng hoàng, đó là công đầu của Quốc gia, thân vũ của hai Thành, chứ hạ thần có công đầu gì.

Vua Thiệu-bảo chỉ một cái ghế và phán: —

Hoài văn hầu, có mặt ở trận nào là công đầu ấy.

Tâu Thượng hoàng, đó là công đầu của Quốc gia, thân vũ của hai Thành, chứ hạ thần có công đầu gì.

Vua Thiệu-bảo chỉ một cái ghế và phán: —

Hoài văn hầu, có mặt ở trận nào là công đầu ấy.

Tâu Thượng hoàng, đó là công đầu của Quốc gia, thân vũ của hai Thành, chứ hạ thần có công đầu gì.

Vua Thiệu-bảo chỉ một cái ghế và phán: —

Hoài văn hầu, có mặt ở trận nào là công đầu ấy.

Tâu Thượng hoàng, đó là công đầu của Quốc gia, thân vũ của hai Thành, chứ hạ thần có công đầu gì.

Vua Thiệu-bảo chỉ một cái ghế và phán: —

Hoài văn hầu, có mặt ở trận nào là công đầu ấy.

Tâu Thượng hoàng, đó là công đầu của Quốc gia, thân vũ của hai Thành, chứ hạ thần có công đầu gì.

Vua Thiệu-bảo chỉ một cái ghế và phán: —

sẵn sàng; ai nấy đều có thích chữ «Sát Thát» ở cánh tay. Tiểu tướng không ngờ lòng dân bằng hai đến bấy nhiêu.

Vua ngay nhiên bảo Hưng Đạo vương: —

Trẫm cũng không ngờ.

Hưng Đạo chậm rãi: —

Lão phu đã biết lòng dân, nên trông buổi ba đào, lão phu vẫn không nản chí.

Hầu lại tâu: —

Thành thủ quân của Triều đình chỉ có một vạn, mà lúc đến cửa Hàm tử thì nhiều đến năm vạn người, và các chiến thuyền trên sông có đến ba trăm chiếc. Vừa tới Hàm tử, thì có tin quân Toa Đô đang đánh lên, chỉ còn cách 20 dặm. Chiêu văn vương trở khúc sông và bảo tướng sĩ: —

Ta chết sông ở chôn đây.

Không cho Toa Đô qua nữa. Toa Đô sợ vào lưới của Quốc công rồi. Tướng sĩ! các người đừng làm nặng bao nhiêu công lao trù thủ của Quốc công. Dịp may chỉ có một lần, ta nên sống chết ở chỗ này, các người nên tận lực.

Tiếng hô «Sát Thát» vang lên. Vương chia binh thuyền phao sẵn các ngành sông. Sau khi đã bày binh bố trận đảo đây cả rồi, Vương thân dẫn một chiếc thuyền con đi thanh tra các nơi cho thực chu đáo. Rồi vương về thuyền riêng, cùng Triệu Trung tướng quân. Bấy giờ là sáng ngày 15 tháng tư. Theo lệnh vương, quan quân được nghỉ ngơi từ sáng đến gần trưa.

Trưa mười ba thì có tin quân Toa Đô đã gần. Quân ta như

nhau, ngọan thờ vì vui mừng. Trời như thiên như đất, nắng chang chang. Thăm từ báo quân Toa Đô đến một nhòai và người chết bị quăng xuống sông nhiều lắm. Chàng nghểm nhiên đi, chiến thuyền lộn xộn, cờ hiệu không tề chỉnh, và tiếng trống nghe ra cũng chênh mảng. Không phải vì kỷ luật họ không nghiêm, chính thực thì họ không phòng bị. Họ không ngờ quân ta đón đường. Mà quả vậy. Dù bất gặp mấy chiếc thuyền của ta đi trinh sát, họ cũng không đề ý, cho là thuyền đánh cá hay thuyền chở hàng không đáng quan tâm.

Quân Toa Đô trong vô tình, thì một tiếng pháo lệnh nổ ran, quân ta vác cờ từ bao nhiêu ngày tháng, nhất tề lao vào thuyền giặc. Triệu tiên sinh và ba trăm tử đệ đi trước, kêu cao ngọn cờ nhà Tống. Họ đều mặc áo Tống, Triệu tiên sinh mỗi tay cầm một ngọn kiếm, gạt những tên bán quân mình, tăng bài mở đường cho quân ta. Chiêu văn vương đã tuyển một nghìn quân ta cũng cho ăn bận theo lối quân nhà Tống, phao lên rằng quân Tống đã khôi phục được nước và nay đem việc binh sang giúp nước Nam đánh lại quân Mông cổ. Quân Toa Đô trông thấy, Triệu tiên sinh, có người

nhận ngay ra là một tướng cũ nhà Tống. Tướng nhà Tống đã khôi phục được nước Tàu rồi, họ sợ hết vía, kêu khóc như ri, hoang mang không còn có lòng đánh trận nữa; lại thêm một mối, họ không nghĩ cả đến việc chống cự. Triệu Trung cử thúc thuyền sẵn sang trận giặc, và chỉ nháy mắt, mười chiếc thuyền tiên đội của Toa Đô đã bị đánh đắm. Quân ta càng nô nức, đánh uà xuống. Tiểu tướng cùng Chiêu thành vương nháy sang một thuyền giặc, chém được một đầu, mục, vút đầu lâu ném sang thuyền khác, đánh ngã luôn mấy đứa, quăng xuống sông. Vận may đã tới, sức đánh rất lẫm, gươm giáo cũng khôn ra. Tướng sĩ vui mắt đua nhau làm theo, tha hồ chém giết, như băm rữa, đoạt được đến sáu chục chiến thuyền lớn. Toa Đô xông xáo, thét quân đứng lại, sai chèo thuyền sẵn lại đánh Triệu tiên sinh. Hai tướng đấu nhau thực là vui mắt. Thấy vậy, quân Nguyên không rối loạn nữa. Uai phong của chúng lại nổi; chúng đánh rất băng, không nhường một bước. Bấy giờ quan quân mới thực là gặp địch thủ. Triệu tiên sinh quả là hết lòng với nước Nam, trở hết thần uy đánh Toa Đô. Quan quân không tiến được mấy nữa và chật vật mãi mới đánh chìm được một chiếc chiến thuyền. Ba trăm tử đệ của Triệu tiên sinh đánh hăng hơn cả quân nhà; họ chết đã quá nửa, nhưng những người còn sống vẫn thần nhiên. Nghĩ

Công cuộc kiến thiết

(Tiếp theo trang 3)

của họ, ở bầu thì dài, ở ống thì tròn, thành thử bao nhiêu những điều tốt tốt hay là đặc tính của một dân tộc có lịch-sử mấy nghìn năm nay bỗng chốc như nước đổ ra biển đông hết sạch!

Giờ chính là lúc cần phải cải-tạo cái tính-thần của dân ta. Phàm những « phẩm chóp bồng » nào, những tranh ảnh nào, những sách truyện nào có hại đến dân đều cần phải bài trừ triệt-đề. Đồng thời lại phải có những ấn-loát phẩm, hội-họa phẩm, âm-nhạc phẩm, v. v. rất lựa-lọc, rất thích-hợp để trau-giồi về phần đức dục cho dân-chúng.

Một khi dân chúng đã có những đức tốt để làm căn bản thì bấy giờ mới dễ nói đến những chuyện ái quốc, ái quân được. Gốc tốt cần cho việc chạm trổ thề nào thì dân đức cũng cần cho công cuộc kiến-thiết một quốc gia thề ấy.

HOA-BANG

mình đánh cho mình, chết là phải rồi; nhưng thấy họ chết cho người, thực là ân hận thay cho họ... Chiêu thành vương và tiểu tướng thấy Triệu tiên sinh đánh mãi Toa Đô không đổ, xông lại giúp, nhưng các tướng Mông đồ cả ra đối địch, phút chốc trên mũi thuyền chỉ toàn những tướng đánh nhau.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUỆNG

Đã in xong :

ĐÀO-DUY-TỬ

của Khái-Sơn Dương-Tự Quán 180 trang - g. 35 - giấy bản 5\$ - cước 0,90. Đề cao hiệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông - Banoi.

TẠP-CHÍ VĂN-EOA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tuấn-Chước

Nhà in Tri-Tân số 95-97 Chancéaulme, Banoi